

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Ông Huỳnh Phi Hồ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 379/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 2 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐST-HNGĐ ngày 7 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trương Thị Diễm H, sinh năm 1994.

Địa chỉ thường trú: khu phố 1, phường P, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: phường T, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khu phố 1 phường P, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông D có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Diễm H trình bày: Sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà và ông Nguyễn Đức D phát sinh tình cảm và quyết định tiến tới hôn nhân. Ông bà được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và được Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang cấp Giấy chứng nhận ký kết hôn vào ngày 20/6/2014, hôn nhân là hoàn

toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng có hạnh phúc. Từ năm 2015, vợ chồng mâu thuẫn do ông D có người phục nữ khác, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ngày nào cũng cãi nhau vì nhiều vấn đề, gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Vì vậy, từ cuối năm 2023, bà đã về nhà cha mẹ đẻ ở để vợ chồng có thời gian nhìn nhận lại. Tuy nhiên, ông D không hề níu kéo, không nhận sai và sửa sai, còn bản thân bà cũng không còn tình cảm gì với ông D. Hiện vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Đức D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 18/09/2015 và Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 10/12/2017. Ly hôn, bà H yêu cầu Tòa án giao cả hai con chung cho chồng là ông Nguyễn Đức D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: **Vợ chồng tự thỏa thuận**, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản làm việc ngày 08/4/2024, bị đơn ông Nguyễn Đức D trình bày: Ông và bà H sau thời gian tìm hiểu phát sinh tình cảm, năm 2014, ông bà quyết định đi đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 20/6/2014, hôn nhân của ông bà là tự nguyện. Trong thời gian đầu, ông bà chung sống bình thường và có với nhau 02 con chung nhưng đến khoảng đầu năm 2023, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, cả hai đã cố gắng khắc phục để tiếp tục cuộc sống vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và gay gắt hơn từ cuối năm 2023 đến nay. Hiện nay, bà H đã bỏ về mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không ai quan tâm đến ai và không còn yêu th nhau. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 18/09/2015 và Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 10/12/2017. Ly hôn, ông đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị Diễm H và ông Nguyễn Đức D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, bà H, ông D có đơn đề nghị vắng mặt nên nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Diễm H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị Diễm H xin ly hôn ông Nguyễn Đức D, ông D là bị đơn và hiện đang cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Nguyên đơn bà Trương Thị Diễm H và bị đơn ông Nguyễn Đức D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự. Bà H, ông D có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, bà H và ông D tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang cấp chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 20/6/2014 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay bà H xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về tình cảm, bà H xin ly hôn với ông D với lý do mâu thuẫn hiện đã rất trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt. Bị đơn ông Nguyễn Đức D cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng là có thật do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn yêu nhau. Nay bà H xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Tại Phiếu yêu cầu xác minh, ông Lương Xuân B là trưởng khu phố 1, phường P, thành phố Biên Hòa nơi ông D sinh sống cho biết: Bà H và ông D là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông D có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa pH không biết. Bà H và ông D không có đơn đề nghị địa pH hòa giải. Hiện nay tại địa chỉ 118, tổ 2, khu phố 1, phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai chỉ có ông D và các con sinh sống, còn bà H đã về quê sinh sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà H và ông D hiện đã rất trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt, không có khả năng hàn gắn, cả hai đều không mong muốn được hoà giải đoàn tụ, nếu tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân cũng không đem đến hạnh phúc cho nhau. Hiện nay bà H và ông D sống ly thân, bà H xin ly hôn, ông D xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông D.

[3] Về con chung: Bà H, ông D có 02 con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 18/09/2015 và Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 10/12/2017. Ly hôn, bà H yêu cầu Tòa án giao cả 02 con chung cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà H không cấp dưỡng nuôi con. Tại Biên bản làm việc ngày 08/4/2024, ông D đồng ý nuôi dạy chăm sóc các con đến tuổi trưởng thành, hiện nay ông có thu nhập ổn định, có nhà và có mẹ đẻ phụ giúp nên không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn và bị đơn đã thoả thuận được với

nhau về việc nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của bà H giao 02 con chung cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà H, ông D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà H (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trương Thị Diễm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 134 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Diễm H với bị đơn ông Nguyễn Đức D về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Diễm H, sinh năm 1994 được ly hôn ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1978.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 18/09/2015 và Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 10/12/2017 cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà H, ông D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà H (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Trương Thị Diễm H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0002377 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà H đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám

